

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 đến các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện.

Ngay từ đầu năm, các cấp, các ngành và địa phương đã tập trung thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, với mục tiêu phấn đấu thực hiện đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu của Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tuy nhiên, dịch Covid-19 xuất hiện, lây lan và bùng phát đã tác động lớn đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Cà Mau nói riêng. Bên cạnh đó, tỉnh Cà Mau còn chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai như hạn hán, triều cường, sục lún... Mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế nhưng với sự quyết tâm của các cấp ủy, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, tỉnh Cà Mau cố gắng hạn chế tối đa các thiệt hại do dịch bệnh Covid-19 và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gây ra.

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP theo giá so sánh) năm 2020 ước đạt 41.503 tỷ đồng, tăng 1,09% so với năm 2019¹ (kế hoạch năm 2020 tăng 7%).

Cơ cấu kinh tế năm 2020: Khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 34,2% GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 30,9%;

¹ Theo số liệu tính toán và thông báo của Tổng cục Thống kê; trong đó, lĩnh vực: Ngư, nông, lâm nghiệp đạt 13.221 tỷ đồng, tăng 4% (kế hoạch tăng 6%); Công nghiệp, xây dựng đạt 14.881 tỷ đồng giảm 2,3% (kế hoạch tăng 5,5%); Dịch vụ đạt 11.728 tỷ đồng, tăng 1,9% (kế hoạch tăng 8,6%); Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm đạt 1.673 tỷ đồng, tăng 4,5% (kế hoạch tăng 7,5%).

khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 30,9%; thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm chiếm tỷ trọng 4%².

GRDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 52,9 triệu đồng (kế hoạch 50,8 triệu đồng).

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2020 ước đạt 16.851 tỷ đồng (kế hoạch 14.800 tỷ đồng).

2. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp

2.1. Về thủy sản

Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi; quy trình nuôi tôm thâm canh từng bước được cải tiến, mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao phát triển nhanh góp phần tăng năng suất và sản lượng tôm³. Ước tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 360.000 tấn, bằng kế hoạch, tăng 6,6% so năm 2019. Từng bước đẩy mạnh khai thác xa bờ, nâng cao chất lượng chế biến, bảo quản trên tàu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; ước tổng sản lượng khai thác thủy sản đạt 240.000 tấn, bằng kế hoạch, tăng 5,3% so năm 2019. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 ước đạt 600.000 tấn, bằng kế hoạch, tăng 6,1% so năm 2019.

2.2. Về nông nghiệp

Trong những tháng đầu năm, hạn hán đến sớm và kéo dài đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, nhất là đối với sản xuất lúa; ước năm 2020, tổng sản lượng lúa đạt 470.000 tấn, bằng 90,4% kế hoạch, giảm 10,5% so năm 2019; năng suất bình quân đạt 4,2 tấn/ha, giảm 0,4 tấn/ha so năm 2019.

Công tác bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được quan tâm thực hiện⁴. Do ảnh hưởng của dịch bệnh tả lợn Châu Phi nên việc khôi phục đàn lợn gặp rất nhiều khó khăn, quy mô đàn lợn giảm; tổng đàn lợn xuất chuồng năm 2020 khoảng 180.000 con, đạt 81,8% kế hoạch, giảm 1,8% so năm 2019, bằng 81,8% kế hoạch. Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm của người dân được nâng cao; các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ từng bước chuyển dần sang hướng chăn nuôi trang trại; tổng đàn gia cầm xuất chuồng năm 2020 đạt 4,4 triệu con, bằng 125,7% kế hoạch, tăng 0,8% so năm 2019.

² Kế hoạch năm 2020: Khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 28,9% GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 25,6%; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 41,7%; thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm chiếm tỷ trọng 3,8%.

³ Diện tích nuôi tôm siêu thâm canh năm 2020 đạt 2.800ha, tăng 12% so năm 2019 (2.500 ha), năng suất đạt khoảng 40 - 50 tấn/ha/vụ, tỷ lệ thành công trên 85%.

⁴ Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, trên gia súc có 10.916 con heo bị bệnh thông thường, trong đó chết 1.218 con; có 20 con heo (Khánh Thuận 04 con, Năm Căn 02 con, Đầm Dơi 14 con) xét nghiệm dương tính với Bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Trên gia cầm: Phát hiện 01 ổ dịch cúm H5N1 tại xã Khánh Bình Đông (chết 63 con/85 con gia cầm). Bệnh dại: xuất hiện 10 ổ dịch dại trên chó, mèo/7 đơn vị xã, phường (01 tại ấp 12B, xã Khánh Bình Đông; 01 xã Trần Hợi; 03 ổ dịch tại Tân Hưng Tây, Rạch Chèo và Phú Mỹ; 01 ở Tân Lộc; 01 ở Phường 4; 02 ổ dại chó, mèo ở Lý Văn Lâm; 01 ổ dại trên mèo ở Tân Thuận).

2.3. Về lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện tốt, giá trị kinh tế rừng từng bước được nâng lên; các đơn vị chủ rừng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, quản lý bảo vệ rừng nhằm hạn chế tối đa các hành vi vi phạm. Diện tích rừng tập trung năm 2020 ước đạt 96.500 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 26%, đạt kế hoạch.

2.4. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tính đến tháng 11, toàn tỉnh có 38/82 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 82/82 xã đạt tiêu chí thủy lợi; 77/82 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất; 66/82 xã đạt tiêu chí thu nhập; 56/82 xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm. Ước cuối năm 2020, sẽ công nhận thêm 04 xã nông thôn mới, nâng lên 42/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 51,2%.

3. Lĩnh vực công thương nghiệp, giao thông vận tải

3.1. Công thương nghiệp

Giá trị của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (ché biến thủy sản, điện, khí hóa lỏng) thấp hơn kế hoạch và giảm so năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và yếu tố khách quan. Sản lượng khí hóa lỏng ước đạt 140.000 tấn, đạt 96,6% kế hoạch (giảm 4,2% so năm 2019)⁵; sản lượng điện sản xuất đạt 6.800 Tr.KWh, đạt 85% kế hoạch (giảm 10% so năm 2019)⁶; sản lượng ché biến tôm đạt 147.500 tấn, đạt kế hoạch (giảm 6,3% so năm 2019); sản lượng khí thương phẩm đạt 1.900 triệu m³, đạt 95% kế hoạch (giảm 2,5% so năm 2019); sản lượng đạm ước đạt 890.000 tấn, đạt 111,3% kế hoạch (tăng 3,5% so năm 2019).

Hệ thống lưới điện nông thôn được ưu tiên đầu tư gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới về điện nông thôn⁷. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,95%, bằng kế hoạch. Năng lượng tái tạo được quan tâm phát triển với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến tìm kiếm cơ hội đầu tư, khai thác⁸.

⁵ Nguyên nhân do giàn cấp khí bị sự cố 3 lần (146 giờ) và Công ty khí Cà Mau dừng hoạt động (từ ngày 19-25/8) để bảo dưỡng tổng thể định kỳ nên sản lượng khí khô thương phẩm cung cấp về cho các nhà máy khí giảm.

⁶ Do những tháng đầu năm thực hiện hoạt động giãn cách xã hội các doanh nghiệp sử dụng điện sản xuất giảm và trong những tháng cuối năm đã vào mùa mưa nên Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ tập trung huy động tối đa các nhà máy thủy điện có giá rẻ hơn dẫn đến hạn chế mua sản lượng điện từ khí.

⁷ Tiêu chí số 4 về điện: Có 82/82 xã và 100% các ấp có điện lưới quốc gia sử dụng; số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 là 32/82 xã, chiếm 39,02% tổng số xã.

⁸ Về năng lượng điện gió: Có 34 đề án, dự án đầu tư khai thác năng lượng điện gió với tổng công suất dự kiến 9.356MW (Trong đó: 11 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng công suất 675MW (có 01 dự án đã khởi công xây dựng); có 02 dự án tổng công suất 200MW được bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh; có 14 đề án đã được UBND tỉnh trình Bộ Công Thương bổ sung vào quy hoạch với tổng công suất 4.268MW và 07 đề án đang tiếp cận nghiên cứu làm cơ sở đề xuất dự án bổ sung vào quy hoạch với công suất 4.213MW).

Về năng lượng mặt trời: Có 03 dự án với tổng công suất 1.450MW (Trong đó: 02 dự án với tổng công suất 1.500MW được UBND tỉnh trình Bộ Công Thương bổ sung vào quy hoạch và 01 dự án công suất 400MW được UBND tỉnh cho tiếp cận nghiên cứu). Riêng điện mặt trời trên mái nhà, có 6.900 kWp năng lượng mặt trời áp mái đưa vào hoạt động, sử dụng công tơ 2 chiều để hòa lưới điện quốc gia.

Hệ thống mạng lưới bán buôn, bán lẻ được đầu tư phát triển ở cả thành thị và nông thôn, thu hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư một số dịch vụ thương mại với quy mô lớn và hiện đại. Thương mại điện tử tỉnh có bước phát triển, xếp hạng chỉ số phát triển thương mại điện tử của tỉnh đạt hạng 54/63. Ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 64.200 tỷ đồng, bằng 93,6% kế hoạch, tăng 2,9% so năm 2019.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ tháng 8 đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh xuất khẩu hàng thủy sản sang một số thị trường mới nhưng do trong những tháng đầu năm khi dịch bùng phát ở các nước trên thế giới, các đối tác ngừng, hủy đơn hàng nhập khẩu; việc tạm dừng thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại ngoài nước đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu của tỉnh. Ước kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 1 tỷ USD, bằng 83,3% kế hoạch (1,2 tỷ USD), giảm 14,4% so năm 2019.

3.2. Lĩnh vực giao thông vận tải

Công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung thực hiện; hệ thống giao thông trong tỉnh phát triển nhanh, xây dựng hoàn thành một số công trình trọng điểm⁹.

Công tác quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và phương tiện ra vào bến bãi an toàn, đúng quy định. Công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy, thu phí bảo trì đường bộ được duy trì thực hiện¹⁰.

Hạ tầng giao thông nông thôn tiếp tục được các địa phương quan tâm gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới¹¹; đã có 82/82 xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

4. Tài chính, ngân hàng

Về điện khí LNG: Có 02 dự án với tổng công suất 4.500MW đang được UBND tỉnh đã trình Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch (Gồm dự án điện khí Cà Mau 3 - 1.500MW của Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam và Dự án điện khí LNG và hệ thống FSRU - 3.000MW của Công ty B.Grimm).

⁹ Hoàn thành các dự án do tỉnh quản lý như: Hoàn thành đưa vào sử dụng một số gói thầu trên tuyến đường trục chính Đông - Tây, huyện Đầm Dơi; 03 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vịnh, mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn và Đầm Dơi; tuyến đường đẩu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diệu, xã Tân Ân, đường đẩu nối từ UBND xã Tam Giang Tây vào dự án đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển; tuyến đường Phong Lạc đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời; 04 cầu và đường ô tô đến trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, Cầu bắc qua kênh xáng Minh Hà, xã Khánh An, Cầu bắc qua sông Cái Tàu, xã Khánh Thuận và Cầu kênh Cây Bàng bắc qua sông Biện Nhị, xã Khánh Lâm, tuyến đường Tây sông Cái Tàu (đoạn từ Kênh 29 đến ngã tư Tiểu Dừa), xã Khánh Tiến và (đoạn từ cầu Ông Mụn đến cầu Thủy Hai) xã Nguyễn Phích, huyện U Minh.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức BT: Đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A, đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc.

¹⁰ Trong 11 tháng đầu năm 2020, tổng kiểm tra để đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ 13.138 phương tiện, đạt yêu cầu 11.459 phương tiện; tổng thu phí bảo trì đường bộ đối với ô tô được 28 tỷ đồng. Đăng kiểm 1.988 lượt phương tiện thủy nội địa.

¹¹ Trong 11 tháng đầu năm 2020 đã xây dựng được 405 km đường bê tông (vượt 35% kế hoạch) và 140 km lộ đất đen; tổng giá trị thực hiện khoảng 269 tỷ đồng.

Công tác xây dựng dự toán thu, quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện đúng quy định, chống thất thu và tiết kiệm chi có hiệu quả. Thu ngân sách ước cả năm đạt 5.688 tỷ đồng, bằng 99,9% kế hoạch, giảm 0,9% so năm 2019. Ước thực hiện chi ngân sách năm đạt 11.945 tỷ đồng, bằng 104,6% dự toán, tăng 17,4% so năm 2019.

Hoạt động ngân hàng có nhiều đóng góp quan trọng trong cung ứng nguồn vốn cho nền kinh tế. Các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 và các giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh; thực hiện cho vay có trọng điểm, đầu tư tập trung cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như: Thủy sản, nông nghiệp và chế biến hàng xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh¹².

5. Đầu tư xây dựng, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm; ưu tiên đầu tư vào các ngành, lĩnh vực hạ tầng quan trọng như: Giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội... phù hợp với mục tiêu, định hướng Kế hoạch đầu tư công của tỉnh. Ước năm 2020, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 16.851 tỷ đồng, tăng 13,9% so kế hoạch, tăng 11,3% so năm 2019.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động đến các ngành sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh đã tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, phấn đấu giải ngân đạt mức cao nhất kế hoạch vốn năm 2020 (gồm cả kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang). Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang đến ngày 25/11/2020 đã giải ngân 2.999,5 tỷ đồng, bằng 75,3% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (cùng kỳ năm 2019, giải ngân 1.910 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 60,9%).

Công tác quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh được chú trọng thực hiện. Đối với các dự án khu vực phát triển đô thị cũ, thực hiện đôn đốc, nhắc nhở các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án, đảm bảo chất lượng đầu tư hạ tầng thuộc các dự án theo cam kết. Chú trọng thực hiện, gắn kết với việc phát triển đô thị và các vùng phụ cận trong mối quan hệ tác động hỗ trợ cùng phát triển¹³. Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở (theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2) và

¹² Nguồn vốn huy động của các ngân hàng tại địa phương 11 tháng đầu năm đạt 32.237 tỷ đồng, tăng 6% so với đầu năm, tăng 6,8% so cùng kỳ, chiếm 67,3% tổng dư nợ cho vay (47.837 tỷ đồng). Nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay toàn tỉnh 3,8%, giảm 2,1% so đầu năm, giảm 4% so cùng kỳ (nếu không tính nợ xấu của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển, tỷ lệ nợ xấu 1,5%).

¹³ Đến nay, thành phố Cà Mau đạt đô thị loại II, thị trấn Sông Đốc và thị trấn Năm Căn đạt đô thị loại IV.

Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)¹⁴.

Công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện tốt; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư đến tìm hiểu và đầu tư vào tỉnh nhà. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2019 xếp hạng 45, tăng 4 bậc so năm 2018; số lượng doanh nghiệp mới đăng ký hoạt động cao hơn so với cùng kỳ¹⁵.

Loại hình kinh tế hợp tác có phát triển nhưng còn chậm; các hợp tác xã từng bước hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị và áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực cho thành viên. Mô hình chuỗi liên kết trên các ngành hàng chủ lực của tỉnh được đẩy mạnh thực hiện¹⁶.

Sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cơ bản đã hoàn thành theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Sau sắp xếp, cổ phần hóa, kết quả hoạt động của các doanh nghiệp được cải thiện, cơ cấu bộ máy quản lý gọn nhẹ, thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tăng lên¹⁷.

6. Tình hình thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành lĩnh vực

Trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 10/6/2020; đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo để

¹⁴ Đến nay đã hoàn thành hỗ trợ 4.523 hộ gia đình có công cách mạng và 1.600 hộ nghèo.

¹⁵ Lũy kế từ đầu năm đến ngày 18/11/2020, đã thu hút đã thu hút đã thu hút 38 dự án đầu tư mới, với số vốn đăng ký 8.287,76 tỷ đồng (cùng kỳ thu hút 22 dự án đầu tư mới, với số vốn đăng ký 21.329,65 tỷ đồng). Lũy kế từ đầu năm đã cấp 500 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, với số vốn đăng ký 4.241,8 tỷ đồng; 81 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, 144 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động (cùng kỳ cấp 415 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, với số vốn đăng ký 3.200 tỷ đồng; 115 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, 159 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động).

¹⁶ Toàn tỉnh hiện có 230 hợp tác xã (HTX) đang hoạt động với 4.560 thành viên, tạo việc làm cho 5.700 lao động thường xuyên và lao động thời vụ; doanh thu bình quân của 01 HTX đạt 01 tỷ đồng/năm. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động trong HTX đạt 50 triệu đồng/năm. Số hợp tác xã năm 2020 hoạt động trên 07 lĩnh vực cụ thể như sau: HTX Nông nghiệp - Thủy sản 168 HTX; HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 8 HTX; HTX xây dựng 10 HTX; Quỹ tín dụng nhân dân: 02 QTD; HTX thương mại 17 HTX; HTX vận tải 20 HTX; HTX môi trường 5 HTX. Trong đó, các HTX nông nghiệp đã hoạt động gắn với các sản phẩm chủ lực của địa phương (OCOP), thực hiện liên kết chuỗi, nhiều HTX liên kết với các siêu thị, công ty, doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường.

Lũy kế toàn tỉnh có 1.178 tổ hợp tác; doanh thu bình quân của tổ hợp tác ước đạt 350 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân của tổ hợp ước đạt 150 triệu đồng/năm.

¹⁷ Cụ thể: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau: thực hiện các giải pháp đồng bộ nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh; hoạt động năm sau đạt hiệu quả cao hơn năm trước, đóng góp đáng kể cho ngân sách của tỉnh. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau: Đã chuyển thành Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau, đi vào hoạt động từ tháng 02/2016, nhà nước hiện còn nắm giữ 71,49% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau: Đã chuyển thành Công ty cổ phần Môi trường đô thị Cà Mau, đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2020, đến nay, nhà nước còn nắm giữ 91,88% vốn điều lệ (dự kiến nhà nước chỉ nắm giữ 49% vốn điều lệ). Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển: hiện nay tạm dừng sắp xếp, đổi mới theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình tại Công văn số 2164/VPCP-ĐMDN ngày 20/3/2020 của Văn phòng Chính phủ.

xây dựng Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo chất lượng và thời gian phê duyệt theo quy định.

Công tác giám sát thực hiện quy hoạch từng bước được quan tâm hơn, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng cấp tỉnh, cấp huyện đã tổ chức giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện quy hoạch ở các ngành, các địa phương.

7. Hợp tác và liên kết vùng

Các nội dung hợp tác, liên kết với các đơn vị, địa phương được tiếp tục triển khai thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch liên kết phối hợp toàn vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Cà Mau đã tiếp tục phối hợp cùng với các tỉnh, thành phố trong vùng (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang) thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, trên cơ sở kết luận, chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau, các sở, ngành và địa phương trong tỉnh đã triển khai thực hiện một số nội dung hợp tác phát triển với các đơn vị tương ứng của thành phố Hà Nội trên một số lĩnh vực như xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư, nông nghiệp, giáo dục, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội...

8. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

Hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên được quản lý, kiểm soát chặt chẽ¹⁸. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp được lập, điều chỉnh, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh¹⁹; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được triển khai hiệu quả²⁰.

Hoạt động điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên biển, đảo được hoàn thành; đang tiến hành thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển để đảm bảo không gian cho cộng đồng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các thủ tục về giao khu vực biển thực hiện các dự án điện gió²¹.

Tiến hành kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất tập trung, khu công nghiệp, cụm công

¹⁸ Theo đó, Các cấp chính quyền, đoàn thể đã quan tâm đến bảo vệ tài nguyên, đã chú ý đến khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên; người dân đã có ý thức hơn trong sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2020, UBND tỉnh đã phê duyệt, cấp giấy phép (tính cả hồ sơ năm 2019 chuyển sang) 53 hồ sơ (gồm 39 giấy phép và 14 Quyết định) tài nguyên nước các loại.

¹⁹ Về Công tác lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 cấp huyện, đến tháng 10/2020: UBND tỉnh đã phê duyệt hồ sơ của 07 huyện, thành phố Cái Nước, Năm Căn, Đầm Dơi, Ngọc Hiển, Thới Bình, Phú Tân và thành phố Cà Mau; còn lại 02 đơn vị cấp huyện gồm: Trần Văn Thời và U Minh đang hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

²⁰ Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 349.175 giấy, với diện tích 458.336 ha.

²¹ Đến nay, đã giao khu vực biển với diện tích 4.129,3 ha cho tổ chức cá nhân khai thác điện gió góp phần thúc đẩy khai thác tiềm năng phát triển kinh tế biển.

nghiệp, đô thị, bệnh viện, các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường. Theo đó, tình hình thu gom, xử lý rác thải, nước thải được cải thiện²².

Nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu được thực hiện. Tỉnh đã ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và các nguồn hợp pháp khác cho công tác phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, bước đầu đã phát huy hiệu quả. Công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng tránh bão, giảm nhẹ thiên tai, chống sạt lở được tăng cường, góp phần ổn định cuộc sống, hoạt động sản xuất của người dân. Tuy nhiên, do biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp nên thiên tai đã gây thiệt hại nhiều đến tài sản của nhân dân²³.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Khoa học và Công nghệ

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh có nhiều tiến bộ; đầu tư và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất được đẩy mạnh; các đề tài, dự án nghiên cứu trên các lĩnh vực được ứng dụng vào thực tiễn, phát huy hiệu quả²⁴.

²² Ước đến cuối năm 2020, có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải theo quy định; 100% dân cư thành thị và 93% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Đạt và vượt kế hoạch đề ra.

²³ Trong 11 tháng đầu năm 2020, đã xuất hiện 13 cơn bão hoạt động trên biển Đông, 01 áp thấp nhiệt đới, có 11 đợt gió mạnh trên biển; 04 đợt triều cường; hầu hết các cơn mưa đều kèm theo dông, lốc, một số ít có kèm sét (thời điểm đầu mùa mưa). Ngoài ra, do ảnh hưởng bởi mưa dông phát triển mạnh trên biển Tây kết hợp với triều cường đã làm mực nước dâng cao bất thường vượt mốc lịch sử (1,05m) với mực nước cao nhất đo được trên sông Ông Đốc vào ngày 04/08 là 1.15m; đặc biệt là hạn hán diễn biến gay gắt, ảnh hưởng nghiêm trọng sản xuất, đời sống dân sinh của người dân trên địa bàn tỉnh.

Thiên tai đã làm chìm 12 tàu cá và 01 sà lan; 11 người mất tích trên biển (đã tìm thấy 09 người, trong đó 04 người còn sống, 05 người chết, hiện còn mất tích 02 người); 20.851 hộ thiếu nước sạch sinh hoạt; sập, tốc mái 859 căn nhà (sập: 167 căn; tốc mái: 692 căn); thiệt hại, ảnh hưởng 43.460,3 ha lúa (thiệt hại: 35.638,2 ha; sập, đổ ngã: 7.822 ha), 647,8 ha rau màu, 408,5 ha cây ăn trái, 20.512,5 ha nuôi trồng thủy sản (thiệt hại: 16.557,1 ha; ngập: 3.975,3 ha); hư hỏng 3.700kg ruốc; 43.583,8 ha rừng bị khô hạn với mức cảnh báo nguy cơ cháy cấp V; ngập gần 170 km lộ giao thông nông thôn, đường Hồ Chí Minh và 24 tuyến lộ đô thị; sạt lở thường xuyên ven biển với chiều dài 105km (đã và đang triển khai thực hiện xây dựng kè cơ bản 53km, còn lại 52km chưa xử lý); sụt lún và sạt lở đất ven sông trên 1.367 vị trí trên nhiều tuyến đường giao thông (chủ yếu là giao thông nông thôn) với tổng chiều dài 46.117m và 02 vị trí trên tuyến đê biển Tây (đoạn Đá Bạc - Kênh Mới với chiều dài 240m). Ngoài ra, trên tuyến đê biển Tây đoạn Kênh Mới - Đá Bạc, huyện Trần Văn Thời và đoạn Hương Mai - Tiểu Dừa, huyện U Minh đã xuất hiện các vết nứt sụp lún từ 60-120 mm với chiều dài 5.870 m. Ước tổng thiệt hại về tài sản khoảng 29,5 tỷ đồng.

²⁴ Lũy kế 11 tháng đầu năm đã xét duyệt 20/20 đề tài/dự án, đạt 100% kế hoạch, đã ký hợp đồng triển khai thực hiện 14 đề tài, dự án (bao gồm: 1. Dự án: Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý " Cà Mau" cho sản phẩm tôm sú của tỉnh Cà Mau; 2. Đề tài: Nâng cao chất lượng giáo dục trong trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cà Mau; 3. Đề tài: Ứng dụng CNSH (maker phân tử) vào chọn giống lúa thơm (Cà Mau thơm 3) có khả năng chịu mặn, chất lượng cao và năng suất cao cho vùng sản xuất lúa và lúa tôm của tỉnh Cà Mau; 4. Dự án: Xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận Mắm cá mào gà Đầm Dơi tỉnh Cà Mau; 5. Dự án SXTN: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến hai giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; 6. Dự án: Xây dựng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận " Khô cá lóc - Cà Mau"; 7. Dự án: Xây dựng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận " Muối trắng Tân Thuận - Đầm Dơi" dùng cho sản phẩm muối của huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; 8. Dự án SXTN: Phát triển quy trình sản xuất giống tôm sú (*penaeus monodon*) theo công nghệ biofloc tại tỉnh Cà Mau; 9. Dự án SXTN: Hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi ba khía (*Sesarma mederi*) tại tỉnh Cà Mau; 10. Đề tài: Xây dựng hệ thống truyền thanh công nghệ số cho cấp cơ sở; 11. Dự án SXTN: Cải tạo vườn tạp trồng dừa kết hợp nuôi cá nước ngọt và nuôi gà thả vườn tại ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 12. Đề tài: Sàng lọc, chẩn đoán và can thiệp sớm cho trẻ từ 18 đến 36 tháng bị rối loạn phổ tự kỷ tại tỉnh Cà Mau; 13. Dự án: Xây dựng mô hình nuôi cua đing (*Amyda cartilagiens*) thương phẩm tại phường Tân Thành

Hoạt động sở hữu trí tuệ được chú trọng, các tổ chức và cá nhân qua công tác tư vấn hướng dẫn đã quan tâm và có ý thức hơn trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ²⁵. Các lớp tập huấn, chuyên giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống cho nông dân được phối hợp tốt²⁶. Đồng thời, tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng²⁷.

2. Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục chủ động thực hiện rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phù hợp với điều kiện của từng địa bàn theo hướng giảm các điểm trường lẻ, tiến tới mô hình cụm trường, liên trường. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp học, bậc học được tăng cường cả về số lượng và chất lượng.

Trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, ngành giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện học trực tuyến. Nhiều đơn vị, trường học đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, xây dựng kho bài giảng E-learning trực tuyến đáp ứng nhu cầu tự học và học tập suốt đời của người học.

Cơ sở vật chất và các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục được quan tâm đầu tư phát triển. Ước đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 302/508 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 59,4%, tăng 15 trường so năm 2019.

3. Y tế

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được chú trọng, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Mạng lưới y tế dự phòng được củng cố, hoạt động y tế dự phòng được tăng cường, giám sát dịch chặt chẽ, không để dịch xảy ra, đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có trường hợp mắc bệnh Covid-19 trong cộng đồng.

Cơ sở vật chất ngành y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở được đầu tư, mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, số giường bệnh/vạn

- thành phố Cà Mau; 14. Dự án SXTN: Xây dựng mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt trên địa bàn tỉnh Cà Mau); nghiệm thu 17/23 dự án, đạt 73,9% kế hoạch.

²⁵ Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, tư vấn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp cho 68 cơ sở.

²⁶ Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, xuất bản Tập san Thông tin khoa học công nghệ online được 03 số, đạt 75% kế hoạch; xuất bản Tin nhanh khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển nông thôn online được 10 số, đạt 91,6% kế hoạch; tổ chức 22 lớp ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống với 1.277 người tham dự, đạt 88% kế hoạch... Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Hội nông tỉnh và Tỉnh đoàn Cà Mau tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi một số thủy sản có giá trị kinh tế như: Nuôi Lươn không bùn, Sò huyết, Ba ba, nuôi tôm sú quản canh cải tiến 2 giai đoạn ít thay nước, gièo cua giống, kỹ thuật trồng rau màu, trồng nấm rơm; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau trợ giảng 15 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm sú và nuôi cua biển quảng canh cải tiến; nuôi tôm sú, cua biển kết hợp, nuôi cá chình, cá bống tượng, tôm sú quảng canh cải tiến 02 giai đoạn và nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh tại các xã, phường, thị trấn và thành phố Cà Mau...

²⁷ Lũy kế đến nay đã kiểm định 22.950 phương tiện đo, vượt 14,8% kế hoạch; tư vấn và lập hồ sơ đăng ký mã số mã vạch cho 07 doanh nghiệp với 05 sản phẩm thuộc Dự án hỗ trợ các nhãn hiệu tập thể được bảo hộ năm 2020 (bao gồm: Bánh phồng tôm (02 doanh nghiệp), dưa bòn bòn (02 doanh nghiệp), mắm lóc (01 doanh nghiệp), nước mắm cá cơm và tương ngọt).

dân đến cuối năm 2020 ước đạt 29,27 giường, đạt kế hoạch, tăng 1,07 giường so năm 2019; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 11%, đạt kế hoạch.

Công tác đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên môn sâu được quan tâm, về cơ bản đã đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân²⁸. Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ đại học/vạn dân ước đạt 13,7 bác sỹ, dược sỹ đại học, đạt kế hoạch, tăng 0,6 bác sỹ, dược sỹ so năm 2019.

Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện chính sách, khai thác, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; đảm bảo các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được thụ hưởng đầy đủ các chính sách, quyền lợi theo quy định. Ước đến cuối năm 2020, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 92,1%, vượt kế hoạch (92%).

4. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hoạt động văn hóa, văn nghệ tiếp tục phát triển, phục vụ tốt cho nhu cầu đời sống tinh thần trong nhân dân; công tác tuyên truyền cổ động, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương được thực hiện kịp thời, tác động mạnh về mặt trực quan và nâng cao nhận thức trong xã hội.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được sự quan tâm của các cấp các ngành, sự hưởng ứng tích cực của doanh nghiệp và nhân dân²⁹. Tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái tiếp tục được nhân dân phát huy nhất là qua thời gian chung tay thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19³⁰.

Toàn dân tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”³¹.

Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế để các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động du lịch. Các điểm du lịch cộng đồng đã đầu tư xây dựng, nâng cấp, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ phục vụ du lịch; khai thác sản phẩm du lịch theo mùa từ các vườn cây ăn trái, ... Tập huấn về mô hình phát triển du lịch cộng đồng gắn với phát triển nông thôn nhằm phát triển nguồn nhân lực. Mặc dù tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp phát triển du lịch, tuy nhiên do ảnh hưởng

²⁸ Duy trì bác sỹ về xã phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt 100% số trạm y tế; trạm y tế xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản đạt 100%; số khám, áp có tổ y tế hoạt động 885/949 áp, khám, đạt 93,3%; số khám, áp có nhân viên y tế hoạt động đạt 100%. Duy trì số xã đạt bộ Tiêu chí quốc gia về y tế 101/101 xã, đạt 100% kế hoạch.

²⁹ Ước đến cuối năm 2020, tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa: 87%, vượt kế hoạch (85%); tỷ lệ xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao: 64,63 %, vượt kế hoạch (60,97%); tỷ lệ huyện, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt 88,88%, đạt 100% kế hoạch.

³⁰ Thể hiện qua nhiều hoạt động thiện nguyện được thực hiện: Cây ATM gạo; gian hàng 0 đồng; tặng khẩu trang miễn phí....

³¹ Năm 2020, tỷ lệ số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 32,5% và tỷ lệ số hộ gia đình thể thao đạt 27,5%, đạt kế hoạch.

tình hình dịch Covid-19 nên doanh thu và lượng khách du lịch giảm mạnh so cùng kỳ³².

5. Lao động, Thương binh và Xã hội

Công tác tuyển sinh, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động được chú trọng; tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên các chỉ tiêu giảm so năm 2019. Ước năm 2020, giải quyết việc làm cho 39.000 lao động, bằng kế hoạch, giảm 1,4% so năm 2019³³; đào tạo nghề cho 36.353 lao động, đạt 103,9% kế hoạch, giảm 3,4% so năm 2019.

Công tác bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện, các kế hoạch bảo vệ chăm sóc trẻ em được triển khai như: Kế hoạch triển khai công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em năm 2020, Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 - 2025 ... Công tác bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội được thực hiện tốt, nâng cao vị thế của phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đẩy lùi các tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời các chế độ, đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng tham gia hiểm xã hội, bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp³⁴.

Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp; người dân được hưởng lợi các chính sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như: Các chính sách bảo hiểm y tế, giáo dục, phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,57%, giảm 0,75% so năm 2019 (kế hoạch giảm 0,5%).

Hoạt động chăm sóc người có công được quan tâm và đẩy mạnh. Toàn tỉnh đã vận động được 10,4 tỷ đồng, bằng 109,5% kế hoạch. Qua đó, các địa phương đã xây dựng và sửa chữa 238 căn nhà tình nghĩa, trong đó xây mới 110 căn, sửa chữa 128 căn.

6. Thông tin và Truyền thông

Công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trên môi trường mạng được tăng cường. Các cơ quan báo đài tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình dịch bệnh Covid-19, góp phần nâng cao nhận thức của người dân, kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

³² Ước năm 2020, tổng lượt khách đạt 1.386.700 lượt, bằng 74,6% kế hoạch, giảm 18,1% so năm 2019 (trong đó, Khách quốc tế: 7.383 lượt, đạt 24,6% so kế hoạch, giảm 74,9% so năm 2019 (24.202). Khách trong nước: 1.379.317 lượt, đạt 75,4% kế hoạch, giảm 17,1% so năm 2019 (1.226.285). Tổng thu du lịch ước đạt 2.158 tỷ đồng, đạt 83% so kế hoạch, giảm 17,6% so năm 2019.

³³ Trong đó, giải quyết việc làm cho 200 lao động xuất khẩu, đạt 40% so kế hoạch, giảm 36,5% so năm 2019; 24.300 lao động ngoài tỉnh, tăng 31,4% so kế hoạch, giảm 0,5% so năm 2019; 14.500 lao động trong tỉnh, đạt 72,5% so kế hoạch, giảm 2,3% so năm 2019.

³⁴ Ước đến cuối năm 2020, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 95%, đạt kết hoạch; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm tự nguyện đạt 1,55%, vượt kế hoạch (1,34%); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 95%, đạt kế hoạch.

Mạng viễn thông, internet hoạt động ổn định, chất lượng dịch vụ được nâng lên, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu trao đổi thông tin của các tầng lớp nhân dân. Trên địa bàn tỉnh có 11 doanh nghiệp bưu chính hoạt động có trụ sở doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; 8 doanh nghiệp viễn thông hoạt động trên địa bàn tỉnh³⁵.

Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động xuyên suốt của các cơ quan, đơn vị³⁶. Các hệ thống thông tin, máy tính hoạt động trong cơ quan, đơn vị nhà nước được trang bị, cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và hệ thống giám sát, an toàn thông tin mạng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

III. QUỐC PHÒNG, AN NINH, NỘI CHÍNH

1. Quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh ổn định. Nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững chắc. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục phát triển sâu rộng. Hoạt động phối hợp giữa 3 lực lượng (Công an - Quân sự - Biên phòng) từ tỉnh đến cơ sở được thực hiện đúng theo kế hoạch³⁷.

Công tác bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên, giáo dục quốc phòng và diễn tập, xây dựng lực lượng, ... tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch³⁸. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2020 đã giao quân về trên 900/901 thanh niên (01 nữ), đạt 99,9% chỉ tiêu.

Thực hiện nghiêm túc kiểm tra, kiểm soát, quản lý người và phương tiện ra vào, hoạt động trong khu vực biên giới biển. Chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm chủ quyền, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới biển, đảo. Tình trạng tàu thuyền ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên biển giảm so cùng kỳ³⁹.

³⁵ Năm 2020, số lượng thuê bao điện thoại toàn tỉnh là 1.340.880 thuê bao, trong đó điện thoại cố định là 8.677 thuê bao, điện thoại di động 1.332.203 thuê bao; băng rộng di động sử dụng dữ liệu trên mạng 3G, 4G (Internet) có 679.152 thuê bao; dịch vụ truyền hình trả tiền 46.592 thuê bao; Internet băng rộng cố định là 127.069 thuê bao.

³⁶ 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có hệ thống mạng LAN kết nối Internet tốc độ cao, phục vụ khai thác tốt các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

³⁷ Tính đến cuối tháng 11, đã phối hợp tổ chức 6.322 cuộc tuần tra, kiểm soát khu vực đóng quân, các mục tiêu quan trọng, có 22.363 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

³⁸ Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh các đối tượng được 3.038/3.148 đồng chí, đạt 96,51% so với chỉ tiêu năm; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên 35.910 em, đạt 100%. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ được 20.313 người (trong đó: Dân quân 18.071 người, tự vệ 2.242 người).

³⁹ Có 06 tàu cá/52 thuyền viên vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt giữ; so cùng kỳ giảm 05 tàu/15 thuyền viên.

Trật tự trên biển: Xây ra 30 vụ/22 đối tượng, làm chết 03 người, mất tích 01 người, bị thương 12 người, thiệt hại tài sản khoảng 1,3 tỷ đồng; tăng 09 vụ/01 đối tượng so cùng kỳ.

2. Trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông

Công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội được thực hiện khá tốt; xử lý kịp thời, hiệu quả các vụ việc xảy ra trên địa bàn tỉnh; bảo vệ an toàn các đoàn công tác trung ương đến thăm và làm việc trên địa bàn tỉnh. Duy trì nghiêm ca, kíp trực sẵn sàng chiến đấu từng cấp đúng quy định.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai thực hiện nghiêm túc; các vụ trọng án được điều tra, khám phá nhanh; các biện pháp phòng ngừa tội phạm được thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, tình hình tội phạm, vi phạm về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp⁴⁰.

Hoạt động phòng cháy chữa cháy tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch, đẩy mạnh việc tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân và người dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy. Tập trung kiểm tra, phúc tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ cao xảy ra cháy, nổ⁴¹.

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được chỉ đạo triển khai, thực hiện quyết liệt, tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2020, tai nạn giao thông xảy ra 66 vụ, chết 15 người, bị thương 60 người; so cùng kỳ giảm 11 vụ, giảm 02 người chết và giảm 26 người bị thương.

3. Công tác thanh tra, tiếp dân, tư pháp

Công tác thanh tra tiếp tục được tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và phạm vi; các kết luận, kiến nghị sau thanh tra tiếp tục được đôn đốc thực hiện⁴². Tiếp tục đẩy mạnh, tuyên truyền phổ biến pháp luật của nhà nước về phòng, chống tham nhũng và các văn bản liên quan.

Công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ. Tập trung, chủ động nắm bắt tình hình, vận động, tuyên truyền, giải quyết các vụ việc theo đúng trình tự thủ tục quy định. Các vụ khiếu nại đông người được chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới biển: Xảy ra 121 vụ/ 254 đối tượng (bao gồm các hành vi giết người, hiếp dâm, tàng trữ trái phép chất ma túy, cướp tài sản, vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, cố ý gây thương tích, đánh bạc...). Giảm 18 vụ, tăng 16 đối tượng so cùng kỳ.

⁴⁰ Lũy kế 11 tháng, tội phạm về trật tự xã hội được phát hiện, khởi tố 469 vụ, 761 bị can; giảm 36 vụ, tăng 61 bị can so cùng kỳ. Vi phạm về trật tự xã hội phát hiện, xử phạt 994 vụ, 1.511 đối tượng, số tiền 2,2 tỷ đồng; tăng 266 vụ, 400 đối tượng so cùng kỳ. Tệ nạn xã hội phát hiện, xử phạt 1.031 vụ, 5.804 đối tượng, số tiền trên 11,3 tỷ đồng; tăng 264 vụ, 1.189 đối tượng so cùng kỳ.

⁴¹ Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, xảy ra 23 vụ cháy (nhà dân 11; nhà ở kết hợp kinh doanh 04; cơ sở sản xuất 02; cây trồng 01; rừng 05) làm chết 01 người, thiệt hại tài sản khoảng 5,6 tỷ đồng. Tương đương cùng kỳ, chết tăng 01 người, thiệt hại tài sản giảm 8,6 tỷ đồng, bị thương giảm 02 người.

⁴² Lũy kế, về thanh tra hành chính, ngành thanh tra đã triển khai 17 cuộc thanh tra; trong đó theo kế hoạch 14 cuộc, đột xuất 03 cuộc; kết thúc thanh tra 15 cuộc, qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế 1 tỷ đồng. Về thanh tra chuyên ngành, các sở, ngành của tỉnh đã tiến hành 181 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 343 tổ chức, các nhân, nội dung sai phạm chủ yếu thuộc lĩnh vực hàng hóa vật tư nông nghiệp, thú y, thủy sản, bảo vệ rừng... Qua thanh tra phát hiện 75 trường hợp sai phạm, ban hành 65 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 130,5 triệu đồng.

Công tác xây dựng, góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và chất lượng; công tác tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện thường xuyên; công tác theo dõi thi hành pháp luật được triển khai kịp thời, hiệu quả, nhất là thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được triển khai đồng bộ; tổ chức triển khai đầy đủ các chính sách trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được trợ giúp đúng theo quy định của pháp luật.

4. Công tác nội vụ

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; đảm bảo quản lý, sử dụng công chức, viên chức đúng chỉ tiêu biên chế, công khai, dân chủ, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng kịp thời nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Hoạt động đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao chất lượng; chú trọng kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, xem đó là thước đo để thực hiện công tác cán bộ. Trong năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm cho 25/30 cơ quan hành chính; điều chỉnh, bổ sung, phê duyệt Đề án vị trí việc làm 30 đơn vị sự nghiệp, phê duyệt Đề án sắp xếp các phòng chuyên môn nghiệp vụ của 18 cơ quan; thực hiện tinh giản biên chế năm 2020 được 263/467 người, đạt 56,3% chỉ tiêu kế hoạch.

Đồng thời, thực hiện triển khai, rà soát, xây dựng Phương án sắp xếp, sáp nhập đối với ấp, khóm có số hộ gia đình dưới 50% quy mô hộ gia đình theo quy định (đối với ấp dưới 175 hộ gia đình, khóm dưới 200 hộ gia đình thì phải thực hiện sáp nhập). Theo đó, đã hướng dẫn thành phần hồ sơ, tổng hợp, thẩm định Đề án sáp nhập ấp, khóm 07 huyện, thành phố⁴³.

5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt đối với các gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn⁴⁴. Các chính sách, chương trình 135, hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt, định canh định cư, bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn luôn được triển khai đúng quy định.

Các hoạt động thuần túy về tín ngưỡng, tôn giáo luôn được các cấp chính quyền tạo điều kiện, phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của đồng bào theo đạo. Hoạt động đạo sự và hành chính đạo của chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh diễn ra đúng theo hiến chương của từng tổ chức và quy định pháp luật⁴⁵. Các hoạt động từ thiện xã hội thường niên được nhiều tổ chức tôn giáo

⁴³ Bao gồm: Thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình, huyện Phú Tân, huyện Đầm Dơi, huyện Năm Căn, huyện Ngọc Hiển, huyện Trần Văn Thời.

⁴⁴ Đến đầu năm 2020, toàn tỉnh có 14 thành phần dân tộc (trong đó, có 13 dân tộc thiểu số với 12.307 hộ). Đồng bào dân tộc thiểu số đông nhất là dân tộc Khmer với 9.979 hộ, tiếp đến là dân tộc Hoa với 1.854 hộ; còn lại là 11 dân tộc thiểu số khác với khoảng 474 hộ.

⁴⁵ Tỉnh Cà Mau hiện có 06 tôn giáo đang hoạt động gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam và Phật giáo Hòa Hảo; toàn tỉnh có 155 tổ chức tôn giáo trực thuộc, với 135 cơ sở thờ tự các

duy trì và đóng góp cùng địa phương thực hiện. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, đời sống được nâng cao, góp phần tạo niềm tin của chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách.

IV. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2020 còn có những hạn chế, khó khăn như sau:

1. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp còn nhỏ lẻ, chưa hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn nhiều vướng mắc, khó thực hiện. Thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, quan trọng của tỉnh nhưng khai thác, phát triển chưa ổn định, thiếu bền vững.

2. Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng trưởng chậm do cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm đã hoạt động hết công suất, trong khi chưa có thêm các cơ sở công nghiệp mới quy mô lớn; kim ngạch xuất khẩu không đạt chỉ tiêu kế hoạch.

3. Dịch vụ có giá trị gia tăng cao phát triển chưa mạnh, chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn để khai thác tiềm năng của tỉnh, nhất là du lịch, cảng biển; tiềm năng du lịch khai thác hiệu quả còn thấp. Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh chưa thật sự chuyển biến mạnh về số lượng và chất lượng.

4. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp nên chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư; huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng còn hạn chế; tỷ lệ đô thị hóa còn thấp.

5. Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung còn thấp, chưa đồng đều; công tác quản lý trường, lớp học, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có nơi chưa chặt chẽ; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gặp khó do thiếu vốn; xã hội hóa giáo dục chưa chuyển biến mạnh.

6. Hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ mặc dù tiên bộ hơn nhưng việc nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống chưa theo kịp nhu cầu.

7. Các thiết chế văn hóa, thể thao thiếu tính đồng bộ, hiệu quả khai thác còn hạn chế; phong trào văn hóa, văn nghệ trong nhân dân còn yếu; cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động thể thao quần chúng tại cơ sở, vùng sâu vùng xa gặp nhiều khó khăn.

tôn giáo. Số lượng tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh là 373.327 người, chiếm tỉ lệ 30,7% dân số của tỉnh. Số lượng chức sắc, chức việc của các tôn giáo là 3.126 người (trong đó: Chức sắc 1.198 người, chức việc 1.928 người).

8. Giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo một số huyện còn cao. Hoạt động giao dịch việc làm chưa thực sự sôi nổi, đào tạo nghề một số ngành nghề chưa gắn nhu cầu lao động của xã hội; giải quyết việc làm chủ yếu ngoài tỉnh.

9. Chất lượng khám, chữa bệnh ở một số cơ sở y tế còn thấp; cơ sở vật chất phục vụ khám, chữa bệnh ở một số bệnh viện chưa đáp ứng yêu cầu.

10. Công tác quản lý đất đai, xây dựng một số nơi chưa chặt chẽ. Ô nhiễm môi trường ở một số nơi chưa được kiểm soát hiệu quả; thu gom, xử lý chất thải còn gặp nhiều khó khăn. Các nhiệm vụ, giải pháp về chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, có lúc còn bị động, lúng túng; nguồn lực đầu tư còn ít.

11. Công tác nắm tình hình để phát hiện các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh trật tự có lúc, có nơi chưa kịp thời; tranh chấp, khiếu kiện, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp.

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2020

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những khó khăn, hạn chế nêu trên, đối chiếu với các chỉ tiêu của Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 11 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, dự kiến trong 15 chỉ tiêu chủ yếu đề ra, có 12 chỉ tiêu dự kiến đạt và vượt, 03 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, cụ thể như sau:

1. Những chỉ tiêu dự kiến đạt và vượt kế hoạch

- (1) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 16.851 tỷ đồng, vượt 13,9% kế hoạch.
- (2) Chi ngân sách địa phương đạt 11.945 tỷ đồng, vượt 4,6% kế hoạch.
- (3) Tỷ lệ hộ nghèo (không bao gồm hộ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội) giảm còn 1,57% (vượt kế hoạch).
- (4) Giải quyết việc làm cho 39.000 người (đạt kế hoạch).
- (5) Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không kể truyền nghề) đạt 50% (đạt kế hoạch).
- (6) Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng 11% (đạt kế hoạch).
- (7) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 95% (đạt kế hoạch).
- (8) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 1,55%, vượt kế hoạch (1,34%).
- (9) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 95% (đạt kế hoạch).

- (10) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,1%, vượt kế hoạch (92%).
- (11) Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 26% (đạt kế hoạch).
- (12) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải theo quy định đạt 100% (đạt kế hoạch).

2. Những chỉ tiêu dự kiến đạt thấp so kế hoạch

- (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP ước đạt 1,09% (kế hoạch 7%).
- (2) Thu ngân sách nhà nước đạt 5.688 tỷ đồng, đạt 99,88% kế hoạch.
- (3) Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.000 triệu USD (kế hoạch 1.200 triệu USD).

VI. CÁC NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

Việc triển khai thực hiện một số chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau năm 2020 không đạt với những hạn chế, khó khăn nêu trên là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau:

1. Nguyên nhân khách quan

- Dịch Covid-19 lan nhanh trên diện rộng ở các nước, các biện pháp cách ly toàn xã hội trong nước được thực hiện gây ảnh hưởng đến các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp, các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng; suy giảm tài nguyên nước làm giảm năng suất sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

- Nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, tính kết nối thấp làm hạn chế việc khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh cũng như khả năng thu hút đầu tư.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các ngành, các cấp có lúc, có nơi chưa quyết liệt.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lĩnh vực chưa chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện từng lúc chưa thường xuyên, kịp thời.

- Khả năng ứng phó với những tác động bất lợi của các ngành, các cấp còn chậm, chưa kịp thời, chưa có giải pháp hữu hiệu.

- Công tác theo dõi, dự báo tình hình còn hạn chế; chưa có sự đột phá trong các hoạt động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Trình độ, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ chưa đáp ứng kịp những yêu cầu của tình hình mới.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Dự báo trong năm 2021, tình hình kinh tế, chính trị thế giới và tình hình trong nước sẽ có những tác động vừa thuận lợi vừa khó khăn đến thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh. Kinh tế thế giới sẽ tiếp tục diễn biến khó lường, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, tranh chấp chủ quyền quốc gia... tiếp tục xảy ra. Tuy nhiên, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, cùng với các cải tiến mạnh mẽ về đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, sự phát triển của công nghệ số sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ ngày càng hiệu quả hơn, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng hàng hóa tỉnh Cà Mau tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Trong nước, cơ cấu kinh tế dịch chuyển sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện, tăng độ mở nền kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn, các hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, phát huy hiệu quả; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và chuyển biến tích cực; liên kết vùng được đẩy mạnh, hệ thống cơ sở hạ tầng liên vùng được triển khai tạo cơ hội cho tỉnh Cà Mau phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất hàng hóa, thu hút đầu tư. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, dự báo trong năm 2021, tỉnh Cà Mau tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Cạnh tranh ngày càng gay gắt trong bối cảnh toàn cầu hóa; thách thức về xử lý ô nhiễm môi trường do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa; biến đổi khí hậu hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lún, nước biển dâng, dịch bệnh (trong đó có Covid-19), ... diễn biến ngày càng phức tạp ảnh hưởng lớn đến sản xuất và cuộc sống người dân, tác động đến tăng trưởng kinh tế.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; chú trọng phát triển kinh tế biển; thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, hướng đến tăng trưởng xanh. Đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt công tác đối ngoại.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2021

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng khoảng 6,5 - 7%.

* Cơ cấu kinh tế:

- + Ngr, nông, lâm nghiệp chiếm 33,1%;
- + Công nghiệp, xây dựng chiếm 31,7%;
- + Dịch vụ chiếm 31,2%;
- + Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4%.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 19.000 tỷ đồng.
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 1,1 tỷ USD.
- Thu ngân sách đạt 5.478,700 tỷ đồng.
- Chi ngân sách đạt 10.610,073 tỷ đồng.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 24,2%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm tối thiểu 0,3%.
- Tỷ lệ lao động khu vực ngr, nông, lâm nghiệp giảm còn 48%.
- Tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo đạt 52%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25,3%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội khoảng 5 - 6%.
- Giải quyết việc làm 39.300 lao động.
- Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 30 giường.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,5%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 95,5%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 1,6%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 95,5%.
- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đạt 56%, trong đó có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 94%.
- Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý đạt 86%.
- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 80%.
- Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 26,2%.

III. NHIỆM VỤ, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh

Tập trung lập và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Triển khai, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Trung ương, Đảng về khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế.

Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực: Ngành hàng tôm, cua, lúa chất lượng cao, gỗ.

Phát triển các loại hình nuôi thủy sản theo hướng bền vững (nuôi tôm siêu thâm canh và thâm canh, nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi luân canh tôm - lúa, nuôi tôm - rừng). Khai thác thủy sản theo hướng giảm khai thác ở vùng biển ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và không vi phạm vùng biển các nước. Phân đấu tổng sản lượng thủy sản năm 2021 đạt 620.000 tấn.

Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ sản xuất nông nghiệp, nhất là khâu thu hoạch và sau thu hoạch nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm thất thoát nông sản. Phân đấu tổng sản lượng lúa đạt 500.000 tấn.

Phát triển chăn nuôi tập trung ở những vùng có điều kiện thích hợp; phát triển các trang trại chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, từng bước đảm bảo nhu cầu thực phẩm từ sản phẩm gia súc, gia cầm trong tỉnh.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là tạo điều kiện các doanh nghiệp trồng rừng, chế biến các sản phẩm gỗ; có giải pháp tích cực tháo gỡ vướng mắc trong quản lý, khai thác rừng.

Khuyến khích doanh nghiệp liên kết đầu tư vùng nguyên liệu tại chỗ phục vụ các ngành công nghiệp chế biến nhằm tăng khả năng cạnh tranh; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất.

Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và Khu kinh tế Năm Căn để mời gọi, thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm; mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm sản, sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu hàng hóa theo hướng giảm dần mặt hàng sơ chế, đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng tinh chế, có giá trị gia tăng cao. Tận dụng các cơ hội do các hiệp định thương mại, đầu tư (CPTPP, EVFTA,

IPA,...) mang lại đề tranh thủ mở rộng thị trường, hợp tác đầu tư. Phần đầu kim ngạch xuất khẩu năm 2021 đạt 1,1 tỷ USD.

Dịch vụ vận tải tập trung phát triển cả đường bộ và đường thủy; có giải pháp hiệu quả tránh ùn tắc giao thông, tình trạng ngập nước tại các nội ô. Phát triển mạng lưới bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; xây dựng và triển khai thực hiện chính quyền số đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số hỗ trợ cho phát triển kinh tế - xã hội và điều hành quản lý nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi các dịch vụ như bảo hiểm, y tế... phát triển.

2. Phát triển kinh tế biển

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản. Quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực ven biển. Quan tâm hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư và tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các dạng năng lượng như điện gió, điện khí, điện mặt trời, điện sinh khối... Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.

3. Phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh

Thực hiện tốt chính sách kích cầu du lịch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch thế mạnh của tỉnh như du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, rừng ngập mặn, rừng tràm, các di tích lịch sử văn hóa.

Có chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn còn khó khăn về hạ tầng nhưng có tiềm năng lớn để phát triển du lịch; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp về công tác đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường mở rộng đầu mối liên kết phát triển du lịch giữa nhà nước và doanh nghiệp.

Chú trọng liên kết vùng trong khai thác, phát triển du lịch. Đầu tư xây dựng, mở rộng hệ thống giao thông đồng bộ và kết nối đến các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Nâng cao nhận thức toàn dân về phát triển du lịch, bảo tồn bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả

Tập trung đầu tư xây dựng và tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2021; tập trung kêu gọi nguồn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh xây dựng giao thông nông thôn.

Tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công - tư (PPP); đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường...

5. Phát triển các thành phần kinh tế, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo chuỗi giá trị gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp liên kết, hỗ trợ trong sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi kêu gọi các nhà đầu tư, nhất là các tập đoàn kinh tế.

6. Tăng cường hợp tác, liên kết vùng

Tiếp tục hợp tác, liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đông Nam bộ, với Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và các đơn vị, địa phương theo các nội dung đã ký kết nhằm huy động các nguồn lực khai thác tốt các lợi thế so sánh của tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ, thực hiện tốt các hoạt động điều phối liên kết giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long.

Huy động đa dạng các nguồn lực, kết hợp nguồn vốn giữa trung ương, địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các dự án trọng điểm, có tính chất đột phá, thúc đẩy liên kết vùng.

7. Đổi mới quản lý tài chính, ngân sách, tín dụng

Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, tập trung các giải pháp chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

Quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, triệt để tiết kiệm và hiệu quả theo hướng tập trung chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo chi cho con người, chi đảm bảo an sinh xã hội.

Có giải pháp bảo đảm tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng.

8. Tích cực xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo thực chất, hiệu quả bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước đồng bộ.

Phát triển đô thị gắn liền với quản lý quy hoạch và quản lý kiến trúc đô thị, chấm dứt tình trạng xây dựng nhà không đúng quy định ở các đô thị. Có giải pháp

hiệu quả đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp. Phần đầu tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 24,2%.

9. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Thực hiện tốt hơn công tác quản lý đất đai, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn thành công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; hiện đại hóa dịch vụ công về đất đai. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các vi phạm, tranh chấp, lấn chiếm đất đai, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tăng cường tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm, bảo đảm môi trường sản xuất, môi trường sống an toàn của người dân. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện có hiệu quả đề án di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nằm trong khu dân cư, khu đô thị chuyên vào khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động các nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động có các phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

10. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, lao động, phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục chuyên nghiệp; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Chú trọng chất lượng giáo dục gắn liền với hướng nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập, đa dạng hoạt động khuyến học, khuyến tài; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào các hoạt động giáo dục; huy động tối đa các nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; chất lượng phổ cập giáo dục.

Đa dạng hóa các loại hình, ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng lao động đảm bảo phù hợp tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hiệu quả của nền kinh tế.

Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức doanh nghiệp, cá nhân đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; thực hiện có hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư để thúc đẩy tăng trưởng, ứng dụng phát triển mạnh mẽ kinh tế số, nhất là công nghệ viễn thông thế hệ mới, công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, kinh doanh, dịch vụ; tiếp tục thực hiện xây dựng chính quyền điện tử và nghiên cứu định hướng phát triển đô thị thông minh.

11. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững của dân tộc, của địa phương; xây dựng, nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Quan tâm đầu tư, nâng cấp các công trình di tích lịch sử. Phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; từng bước phát triển thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh các hoạt động văn học - nghệ thuật cả chiều rộng lẫn chiều sâu, vừa mang tính hiện đại, vừa đậm đà bản sắc của vùng cực Nam Tổ quốc.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền. Làm tốt công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh quê hương và con người Cà Mau. Tăng cường quản lý thông tin trên mạng xã hội, xử lý nghiêm những trường hợp đưa tin sai sự thật, gây hoang mang trong nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, chống phá Đảng, Nhà nước.

Triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, huy động các nguồn lực chăm lo đời sống người có công và các đối tượng chính sách. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội; chăm lo và phát huy vai trò người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số - kế hoạch hoá gia đình. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có dịch bệnh xảy ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Thực hiện đúng hướng, hiệu quả xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Mở rộng, nâng cao chất lượng mô hình bệnh viện vệ tinh. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa tầng, hiện đại, đa dạng mức đóng và mức hưởng.

Thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân tộc, tôn giáo, nâng cao đời sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030.

12. Tăng cường quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia... Đổi mới nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập và công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng toàn dân, chính sách Quân đội và hậu phương Quân đội; hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu về công tác tuyển, chọn thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống công trình phòng thủ có tính lưỡng dụng cao. Củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện và tuyến phòng thủ ven biển, đảo vững chắc.

Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh, phát hiện từ sớm, từ xa, chủ động đấu tranh ngăn chặn âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Xây dựng lực lượng Quân đội thường trực “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”; lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, sẵn sàng huy động khi có tình huống xảy ra; lực lượng dân quân, tự vệ theo hướng vững mạnh, rộng khắp, kịp thời tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn, giảm nhẹ thiệt hại, khắc phục hậu quả khi có các sự cố xảy ra.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an ninh, trật tự. Nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác, trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Tập trung giải quyết các yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh mạng, an ninh thông tin, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống; tham gia tích cực, hiệu quả vào quá trình xây dựng bộ chỉ số an ninh, an sinh, an toàn quốc gia. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đấu tranh phòng chống hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tăng cường các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn.

13. Triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất nhập khẩu, mở rộng xuất khẩu sang thị trường mới, đồng thời củng cố, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu tại các thị trường hiện có; thu hút đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh hội nhập quốc tế, vận động cộng đồng người Cà Mau định cư ở nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh, tích cực tham gia đóng góp xây dựng quê hương. Tích cực tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, thành tựu của tỉnh ra ngoài nước.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài đến hoạt động và triển khai các chương trình, dự án viện trợ tại địa phương.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, đặc biệt là ngư dân, tàu cá tỉnh Cà Mau ở nước ngoài. Chủ động, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong công tác bảo hộ và lợi ích chính đáng của công dân trong tình di cư ra nước ngoài.

14. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy nhà nước

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp các cấp theo các nghị quyết của Trung ương; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước chuẩn hóa theo đề án vị trí việc làm. Chú trọng xây dựng văn hóa công vụ; đổi mới tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo khoa học, dân chủ, trách nhiệm, chuyên nghiệp, sâu sát cơ sở, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Thực hiện đúng, có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

15. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp trên tất cả các lĩnh vực; không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp quản lý theo hướng thiết thực, sát cơ sở, gần dân gắn với tăng cường công tác dân vận chính quyền.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo sự phát triển đồng bộ trên tất cả các ngành, lĩnh vực, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; triển khai, thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính năng động, không ngừng sáng tạo, nâng cao chất lượng quản lý điều hành các cấp, các ngành trong cải thiện, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh vào nhóm khá so với cả nước.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ chiến lược cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân; thực hiện tốt hòa giải ở cơ sở. Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (*Báo cáo này thay cho Báo cáo số 374/BC-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau*)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Quân khu 9;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (VIC);
- UBND các huyện, TP. Cà Mau (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng khối NC-TH;
- Lưu: VT, L_{ai}(BC11).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Lâm Văn Bi



KẾ HOẠCH DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 383 /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							Ư' TH 2020/ TH 2019	Ư' TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ Ư' TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
1	Dân số								
	- Dân số	Người	1,194,281	1,195,696	1,193,826	1,196,214	100.0	99.8	100.2
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,82	0,81	0,81	0,805			
	- Giảm tỷ lệ sinh	%	0.005	0.005	0.005	0.005			
2	Giải quyết việc làm	Lao động	39,565	39,000	39,000	39,300	98.6	100	100.8
3	Đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề	Lao động	37,623	35,000	36,353	28,000	96.6	103.9	77.0
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47	50	50	52			
	<i>Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	25	25	50	25.3			
5	Tỷ lệ lao động ngư nông lâm nghiệp trong cơ cấu lao động	%	52	50	50	48			
6	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	-	-	-	5 - 6%			
7	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	2.32	1.82	1.57	Giảm tối thiểu 0,3%			
	<i>Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo</i>	%	1.72	0.5	0.75				
8	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm bắt buộc	%	93.7	95	95.0	95.5			
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	%	1.5	1.34	1.55	1.6			

TT	 Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/TH 2019	ƯTH 2020/KH 2020	KH 2021/ƯTH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	92.4	95	95	95.5			
11	Phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai								
11.1	<i>Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được tư vấn việc làm</i>	%	100	100	100	100			
11.2	<i>Tỷ lệ xã, phường, thị trấn công nhận phù hợp với trẻ em và có kế hoạch phòng chống GNRRTT cho trẻ em</i>	%	75	75	75	77			



KẾ HOẠCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2021

Kèm theo Báo cáo số: **383** /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
							Ư' TH 2020/ TH 2019	Ư' TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ Ư' TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
A	GIÁO DỤC								
I	Số học sinh có mặt đầu năm	Học sinh	247,745	249,894	245,958	246,000	99.3	98.4	100.02
1	Mẫu giáo	"	31,332	34,250	32,861	32,000	104.9	95.9	97.4
2	Phổ thông	"	216,413	215,644	213,097	214,000	98.5	98.8	100.4
	- Tiểu học	"	113,612	112,589	111,913	112,000	98.5	99.4	100.1
	- Trung học cơ sở	"	70,882	69,726	68,528	69,000	96.7	98.3	100.7
	- Trung học phổ thông	"	31,919	33,329	32,656	33,000	102.3	98.0	101.1
II	Số giáo viên có mặt đầu năm	Giáo viên	13,412	13,182	13,199	13,510	98.4	100.1	102.4
1	Mẫu giáo	"	1,872	2,090	2,051	2,200	109.6	98.1	107.3
2	Phổ thông	"	11,540	11,092	11,148	11,310	96.6	100.5	101.5
	- Tiểu học	"	5,985	5,888	5,890	5,960	98.4	100.0	101.2
	- Trung học cơ sở	"	3,799	3,444	3,469	3,500	91.3	100.7	100.9
	- Trung học phổ thông	"	1,756	1,760	1,789	1,850	101.9	101.6	103.4

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)		
							Ư' TH 2020/ TH 2019	Ư' TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ Ư' TH 2020
1		3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
B	ĐÀO TẠO	"							
1	Số sinh viên đại học và cao đẳng	Sinh viên	701	3,900	1,150	1,100	164.1	29.5	95.7
2	Số sinh viên trung học chuyên nghiệp	SV, HS	650	1,150	445	450	68.5	38.7	101.1
C	TỔNG SỐ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA	Trường	287	291	302	308	105.2	104	102.0
D	TỶ LỆ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA	%	55.1	54.4	59.4	60			
E	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG GIÁO DỤC								
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục được kiên cố hóa và có khả năng chống chịu và giảm nhẹ trước tác động của thiên tai	%	62	100	62	70			
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đưa nội dung GNRRTT-ÚPBĐKH lồng ghép vào chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa	%	100	100	100	100			



KẾ HOẠCH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 383 /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							Ước TH 2020/ TH 2019	Ước TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ Ước TH 2020
1	2	3	4	5	7	8	8=7/4	9 = 7/5	10=8/7
A	THỦY SẢN								
1	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	565,650	600,000	600,000	620,000	106.1	100.0	103.3
	Trong đó: Sản lượng tôm	Tấn	198,491	210,000	210,000	225,000	105.8	100.0	107.1
1.1	Sản lượng khai thác thủy sản	Tấn	228,000	240,000	240,000	230,000	105.3	100.0	95.8
	Trong đó: Tôm khai thác	Tấn	10,000	10,000	10,000	10,000	100	100.0	100
1.2	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	337,650	360,000	360,000	390,000	106.6	100.0	108.3
	Trong đó: Sản lượng tôm nuôi:	Tấn	188,491	200,000	200,000	215,000	106.1	100.0	107.5
2	Tổng diện tích nuôi tôm		280,000	280,000	280,000	280,000	100.0	100.0	100.0
	<i>Riêng:</i>								
2.1	Diện tích nuôi tôm thâm canh	Ha	8,595	8,720	8,720	8,800	101.5	100.0	100.9
	Trong đó: Nuôi tôm siêu thâm canh		2,500	2,800	2,800	3,200	112.0	100.0	114.3
2.2	Diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến	Ha	141,392	150,000	150,000	160,000	106.1	100.0	106.7
B	NÔNG NGHIỆP								
1	Cây lúa								
	- Năng suất gieo trồng	Tấn/ha	4.55	4.60	4.18	4.60	91.9	90.9	110.0
	- Sản lượng lúa	Tấn	525,419	520,000	470,000	500,000	89.5	90.4	106.4

TT	tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							Ước TH 2020/ TH 2019	Ước TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ Ước TH 2020
2	Đàn heo xuất chuồng	Con	183,213	220,000	180,000	200,000	98.2	81.8	111.1
3	Đàn gia cầm xuất chuồng	Con	4,363,073	3,500,000	4,400,000	4,500,000	100.8	125.7	102.3
C	LÂM NGHIỆP								
	- Trồng rừng mới	Ha	500	500	500	300	100.0	100	60.0
	- Diện tích có rừng tập trung	Ha	96,801	96,500	96,500	96,800	99.7	100	100.3
	- Tỷ lệ độ che phủ rừng và cây phân tán	%	25.6	26	26	26.2			
D	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN								
-	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92	92	93	94			
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	34	41	41	46	120.6	100	112.2
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	41.5	50	50	56			
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%			1.2	3.7			
-	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện			0	1			
E	PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI								
1	Tỷ lệ khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển có biển báo, cảnh báo sạt lở	%	80	90	90	92			



KẾ HOẠCH CÔNG THƯƠNG NĂM 2021



(Kèm theo Báo cáo số

883 /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9 = 6/5	10=7/6
A	CÔNG NGHIỆP								
I	Một số sản phẩm chủ yếu								
	- Sản lượng chế biến tôm đông	Tấn	157,419	147,500	147,500	152,000	93.7	100	103.1
	- Sản lượng điện sản xuất	Tr.KWh	7,556	8,000	6,800	8,200	90.0	85	120.6
	- Sản lượng đạm, NPK	Tấn	860,173	800,000	890,000	1,000,000	103.5	111.3	112.4
	- Sản lượng khí thương phẩm	Triệu m ³	1,949	2,000	1,900	2,000	97.5	95	105.3
	- Sản lượng khí hóa lỏng	Tấn	146,205	145,000	140,000	145,000	95.8	96.6	103.6
II	Điện khí hóa nông thôn								
	- Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia	%	99.93	99.90	99.95	99.96			
B	THƯƠNG MẠI								
I	Nội thương								
	- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	62,397	68,585	64,200	69,300	102.9	93.6	107.9
II	Ngoại thương								
	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1,168	1,200	1,000	1,100	85.6	83.3	110.0
	Trong đó: + Hàng thủ công	"	1,114	1,150	950	1,044	85.3	82.6	110
	+ Đạm	"	54	50	50	55	92.6	100	110



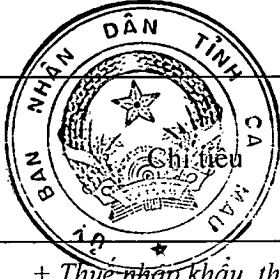
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
	Các mặt hàng khác					1			
C	PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI								
1	Tỷ lệ các điểm xác định là khu vực xung yếu của hệ thống điện (trạm biến thế, đường dây tải điện và lưới cung cấp) được rà soát, kiểm tra, gia cố nếu cần thiết để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra	%	100	100	100	100			



CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU NĂM 2021

Kèm theo Báo cáo số 383 /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 6/5	10 = 7/6
I	Các chỉ tiêu về kinh tế								
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá so sánh	Tỷ đồng	41,054	46,350	41,503	44,448	101.09	89.5	107.0
	<i>Trong đó:</i> + Ngu, nông, lâm nghiệp	"	12,712	13,080	13,221	13,816	104.0	101.1	104.5
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	15,236	12,101	14,881	16,176	97.7	123.0	108.7
	+ Dịch vụ	"	11,505	19,331	11,728	12,678	101.9	60.7	108.1
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	1,601	1,838	1,673	1,778	104.5	91.0	106.3
	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá thực tế	Tỷ đồng	61,666	60,718	63,138	68,338	102.4	104.0	108.2
	<i>Trong đó:</i> + Ngu, nông, lâm nghiệp	"	20,586	17,510	21,615	22,609	105.0	123.4	104.6
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	19,750	15,564	19,493	21,657	98.7	125.2	111.1
	+ Dịch vụ	"	18,938	25,311	19,506	21,359	103.0	77.1	109.5
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	2,392	2,333	2,524	2,713	105.5	108.2	107.5
	Cơ cấu kinh tế (giá thực tế)	%	100	100	100	100			
	<i>Trong đó:</i> + Ngu, nông, lâm nghiệp	"	33.4	28.8	34.2	33.1			
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	32.0	25.6	30.9	31.7			
	+ Dịch vụ	"	30.7	41.7	30.9	31.2			



TT		ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
	+ Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm	"	3.9	3.8	4.0	4.0			
	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	51.6	50.8	52.9	57	102.4	104.1	107.9
	(Quy đổi ra USD)	USD	2,222	2,182	2,277	2,430	102.4	104.3	106.7
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	15,139	14,800	16,851	19,000	111.3	113.9	112.8
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1,168	1,200	1,000	1,100	85.6	83.3	110.0
4	Thu ngân sách (1)	Tỷ đồng	5,740	5,695	5,688	5,478.7	99.09	99.9	96.3
5	Chi ngân sách (2)	Tỷ đồng	10,176	11,419.3	11,944.7	10,610.1	117.4	104.6	88.8
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	22.7	22.7	22.9	24.2			
II	Các chỉ tiêu về xã hội								
7	Tỷ lệ hộ nghèo	%	2.32	1.82	1.57	Giảm tối thiểu 0,3%			
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1.7	0.5	0.75				
8	Tỷ lệ lao động ngư nông lâm nghiệp trong cơ cấu lao động	%	52	50	50	48			
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47	50	50	52			
10	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%				5 - 6%			
11	Giải quyết việc làm	Người	39,565	39,000	39,000	39,300	98.6	100	100.8
12	Số giường bệnh/vận dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	28.20	29.27	29.27	30	103.8	100	102.5
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90.0	92	92.1	92.5			

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
14	Tỷ lệ dân số tham gia BHXH bắt buộc	%	93.7	95	95	95.5			
15	Tỷ lệ dân số tham gia BHXH tự nguyện	%	1.50	1.34	1.55	1.60			
16	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	92.40	95	95	95.5			
17	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	41.5	50	50	56			
III Các chỉ tiêu về môi trường									
18	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92	92	93	94			
19	Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý	%	84	85	85	86			
20	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	67	76	76	80			
21	Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán	%	25.6	26	26	26.2			

Ghi chú:

(1) Kế hoạch thu ngân sách năm 2020 là 5.695 tỷ đồng đã bao gồm 483 tỷ đồng dự toán ghi thu, ghi chi tiền bồi thường GPMB do nhà đầu tư tự ứng trước được khấu trừ vào tiền thuê đất. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi nêu trên thì ước thực hiện thu ngân sách năm 2020 là 5.688 tỷ đồng, đạt 109,13% dự toán (5.212 tỷ đồng).

(2) Kế hoạch chi ngân sách năm 2020 là 11.419.3 tỷ đồng đã bao gồm 483 tỷ đồng dự toán chi từ ghi thu, ghi chi tiền bồi thường GPMB do nhà đầu tư tự ứng trước được khấu trừ vào tiền thuê đất. Nếu loại trừ dự toán ghi thu, ghi chi nêu trên thì ước thực hiện chi ngân sách năm 2020 là 11.944,7 tỷ đồng, đạt 109,22% dự toán (10.936,3 tỷ đồng).



KẾ HOẠCH GIAO THÔNG VẬN TẢI NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 383/BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							ƯTH 2020/ TH 2019	ƯTH 2020/ KH 2020	KH 2021/ ƯTH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 6/5	10 = 7/6
I	Khối lượng vận chuyển hàng hóa	1.000 Tấn							
1	Đường bộ	"	690	701	555	572	80.4	79.2	103.1
2	Đường thủy	"	1,932	1,990	1,576	1,623	81.6	79.2	103
3	Đường hàng không	"	44	22	30	53	68.2	136.4	176.7
II	Khối lượng vận chuyển hành khách	1.000 HK							
1	Đường bộ	"	78,438	78,000	69,937	72,035	89.2	89.7	103
2	Đường thủy	"	8,243	8,160	5,606	5,494	68.0	68.7	98
3	Đường hàng không	"	37	38	27	44	73.0	71.1	163
III	Số km đường GTNT xây dựng trong năm	Km	569	300	400	200	70.4	133.3	50
IV	Phòng, chống thiên tai								
1	Có biển báo, cảnh báo bảo đảm an toàn đường sông, đường bộ vào mùa mưa bão	%	100	100	100	100			
2	Tỷ lệ tàu thuyền có trang bị trang thiết bị an toàn như phao cứu sinh, xuồng cứu hộ, đèn chiếu sáng...	%	100	100	100	100			



KẾ HOẠCH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - XÂY DỰNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 383 /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
I	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô lớn có hệ thống xử lý nước thải theo quy định	%	100	100	100	100
2	Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý	%	84	85	85	86
3	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	67	76	76	80
II	XÂY DỰNG					
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	22,7	22,7	22,9	24,2
2	Tỷ lệ hộ dân trong vùng thường xuyên xảy ra mưa bão được tuyên truyền, thông tin về mẫu nhà phù hợp với vùng mưa bão	%	88	90	90	92
3	Tỷ lệ trường học, nhà trẻ, bệnh viện trong khu vực đô thị được cấp nước sạch trong và sau thiên tai	%	98	100	100	100



KẾ HOẠCH Y TẾ NĂM NĂM 2021

(Kèm theo) Báo cáo số: 383 /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							U' TH 2020/ TH 2019	U' TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ U' TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 6/5	10 = 7/6
I	Giường bệnh	Giường	3,807	3,937	3,937	4,017	103.4	100	102.0
1	Giường bệnh cấp tỉnh	"	2,640	2,760	2,760	2,800	104.5	100	101.4
2	Giường bệnh cấp huyện	"	560	570	570	610	101.8	100	107
3	Giường phòng khám đa khoa khu vực	"	170	170	170	170	100	100	100
4	Giường trạm y tế xã	"	437	437	437	437	100	100	100
II	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	28.20	29.27	29.27	30	103.8	100	102.5
III	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn	%	11.1	11	11	10.8			
IV	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90	92	92.1	92.5			
V	Bình quân số Bác sĩ, Dược sĩ đại học/vạn dân	BS, DS	13.1	13.7	13.7	14.2	105	100	103.8
VI	Phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực y tế								
1	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng trong thiên tai	%	99.7	95	95.3	>96			

KẾ HOẠCH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NĂM 2021



Báo cáo số: **383** /BC-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT		Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh (%)		
							Ư' TH 2020/ TH 2019	Ư' TH 2020/ KH 2020	KH 2021/ Ư' TH 2020
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=6/5	10=7/6
I	VĂN HÓA								
1	Tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa	%	86.4	85	87	88			
2	Tỷ lệ xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	62.2	61.0	64.6	67			
3	Tỷ lệ huyện, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao	%	88.9	88.9	88.9	89			
II	THỂ THAO								
1	Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	32	32.5	32.5	33			
2	Tỷ lệ gia đình thể thao	%	27	27.5	27.5	28			
III	DU LỊCH								
	Tổng số khách du lịch:	Lượt người	1,692,654	1,860,000	1,386,700	1,860,000	81.9	74.6	134.1
1	- Khách quốc tế	Lượt người	29,430	30,000	7,383	30,000	25.1	24.6	406.3
	- Khách trong nước	Lượt người	1,663,224	1,830,000	1,379,317	1,830,000	82.9	75.4	132.7
2	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	2,618.5	2,600	2,158	2,600	82.4	83.0	120.5